

Mã hiệu: .....

Số: 02

**BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG**

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi số 02 ngày 27 tháng 8 năm 2025)

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Văn phòng HĐND và UBND xã Phước Giang

2. Mã đơn vị: 1156368

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 112003019332 Tại Ngân hàng Viettinbank Quảng Ngãi

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chuyển tiền phụ cấp cán bộ không chuyển trách xã tháng 8 năm 2025

(Đơn vị: Đồng)

| STT | Tài khoản ngân hàng                                                                                                 |                          | Tổng số    | Trong đó:     |   |   |   |   |            | Tiền học bổng | Tiền khoản | Tiền phụ cấp và trợ cấp khác | Tiền thưởng | Tiền thu nhập tăng thêm | Tiền công lao động theo hợp đồng | Lương và phụ cấp theo lương |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------|---------------|---|---|---|---|------------|---------------|------------|------------------------------|-------------|-------------------------|----------------------------------|-----------------------------|
|     | Họ và tên                                                                                                           | Số Tài khoản người hưởng |            | Tên ngân hàng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5          | 6             | 7          | 8                            | 9           | 10                      | 11                               | 12                          |
| 1   | 2                                                                                                                   |                          | 4          | 3             | 5 | 6 | 7 | 8 | 9          | 10            | 11         | 12                           |             |                         |                                  |                             |
|     |                                                                                                                     |                          | 57.973.500 |               | - | - | - | - | 57.973.500 |               |            |                              |             |                         |                                  |                             |
| I   | Đối với công chức, viên chức                                                                                        |                          |            |               |   |   |   |   |            |               |            |                              |             |                         |                                  |                             |
| II  | Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP                         |                          |            |               |   |   |   |   |            |               |            |                              |             |                         |                                  |                             |
| III | Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập Nghị định 111/2022/NĐ-CP |                          |            |               |   |   |   |   |            |               |            |                              |             |                         |                                  |                             |
| IV  | Thanh toán cá nhân khác                                                                                             |                          | 57.973.500 |               | - | - | - | - | 57.973.500 |               |            |                              |             |                         |                                  |                             |

Ngày ký: 27/08/2025 14:09:33  
Chức danh: Chủ tài khoản  
Đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND xã Phước Giang  
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ giao nhận thực hiện

|    |                           |               |                             |           |  |  |  |  |  |           |  |  |  |  |
|----|---------------------------|---------------|-----------------------------|-----------|--|--|--|--|--|-----------|--|--|--|--|
| 1  | Phan Thị Kiều Duyên       | 4503215026851 | Agribank -<br>Nghĩa Hành    | 3.252.600 |  |  |  |  |  | 3.252.600 |  |  |  |  |
| 2  | Nguyễn Thị Thạch          | 109884791134  | Agribank -<br>Nghĩa Hành    | 3.147.300 |  |  |  |  |  | 3.147.300 |  |  |  |  |
| 3  | Trịnh Mỹ Duyên            | 104884791115  | Agribank -<br>Nghĩa Hành    | 3.252.600 |  |  |  |  |  | 3.252.600 |  |  |  |  |
| 4  | Đoàn Thị Giang            | 4503111156111 | Agribank -<br>Nghĩa Hành    | 2.971.800 |  |  |  |  |  | 2.971.800 |  |  |  |  |
| 5  | Nguyễn Văn Hoàng          | 4503205098855 | Agribank -<br>Nghĩa Hành    | 3.147.300 |  |  |  |  |  | 3.147.300 |  |  |  |  |
| 6  | Nguyễn Văn Nguyễn         | 108882867483  | Vietinbank CN<br>Quảng Ngãi | 3.147.300 |  |  |  |  |  | 3.147.300 |  |  |  |  |
| 7  | Ngo Thị Lệ Huyền          | 102882243956  | Vietinbank CN<br>Quảng Ngãi | 2.585.700 |  |  |  |  |  | 2.585.700 |  |  |  |  |
| 8  | Nguyễn Thị Minh Diên      | 104882243927  | Vietinbank CN<br>Quảng Ngãi | 3.147.300 |  |  |  |  |  | 3.147.300 |  |  |  |  |
| 9  | Nguyễn Nhật Duy           | 107882867484  | Vietinbank CN<br>Quảng Ngãi | 3.147.300 |  |  |  |  |  | 3.147.300 |  |  |  |  |
| 10 | Huỳnh Thị Yên Linh        | 100883612479  | Vietinbank CN<br>Quảng Ngãi | 3.147.300 |  |  |  |  |  | 3.147.300 |  |  |  |  |
| 11 | Nguyễn Thị Lê             | 106004366928  | Vietinbank CN<br>Quảng Ngãi | 3.147.300 |  |  |  |  |  | 3.147.300 |  |  |  |  |
| 12 | Nguyễn Thị Y Lê           | 102883612477  | Vietinbank CN<br>Quảng Ngãi | 3.147.300 |  |  |  |  |  | 3.147.300 |  |  |  |  |
| 13 | Nguyễn Thanh Thuý         | 102883695951  | Vietinbank CN<br>Quảng Ngãi | 3.147.300 |  |  |  |  |  | 3.147.300 |  |  |  |  |
| 14 | Lê Thị Thanh Thảo         | 107875132083  | Vietinbank CN<br>Quảng Ngãi | 3.147.300 |  |  |  |  |  | 3.147.300 |  |  |  |  |
| 15 | Trần Thị Thu Mẫn          | 100876121419  | Vietinbank CN<br>Quảng Ngãi | 2.866.500 |  |  |  |  |  | 2.866.500 |  |  |  |  |
| 16 | Lê Quốc Tĩnh              | 101883478924  | Vietinbank CN<br>Quảng Ngãi | 3.147.300 |  |  |  |  |  | 3.147.300 |  |  |  |  |
| 17 | Võ Duy Thắng              | 106883475891  | Vietinbank CN<br>Quảng Ngãi | 2.585.700 |  |  |  |  |  | 2.585.700 |  |  |  |  |
| 18 | Nguyễn Thị Xuân<br>Phương | 101883612479  | Vietinbank CN<br>Quảng Ngãi | 2.691.000 |  |  |  |  |  | 2.691.000 |  |  |  |  |



